TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2026/DS-PT

Ngày 10-9-2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tú, bà Hoàng Thị Hải Hường.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2026/TLPT-DS ngày 15/6/2026, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2026/DS-ST ngày 13/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2026/QĐXX-PT ngày 15 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đông Trong Đầm, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Xuân Nội, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thuý P, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Đông Trong Đầm, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2026/DS-ST ngày 13/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là ông

Nguyễn Văn T trình bày: Ông và ông D có quan hệ quen biết. Ngày 08/6/2013 (âm lịch) ông D vay của ông số tiền 200.000.000 đồng, khi vay hai bên viết giấy biên nhận các bên thỏa thuận thời hạn vay 02 tháng. Trong giấy biên nhận các bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng thực tế các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/1 tháng. Sau khi vay ông D trả ông được 02 tháng tiền lãi; 06 lần tiền gốc tổng số 92.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể:

Ngày tháng năm nào ông không nhớ, ông D trả ông 03 lạng cao hổ + 03 lạng cao ngựa, tổng cộng 45.000.000 đồng;

Ngày 01/5/2014, ông D trả ông được 2.000.000 đồng;

Ngày 29/5/2015, ông D trả ông 02 lạng cao hổ = 40.000.000 đồng và 1,5 lạng cao ngựa = 3.000.000 đồng;

Ngày 29/12/2015, ông D trả ông 1.000.000 đồng và ngày 30/12/2016 ông D trả ông được 1.000.000 đồng.

Số tiền ông D vay là tài sản chung của vợ chồng ông. Ông D vay tiền của vợ chồng ông sử dụng vào việc mua ngựa về nấu cao bán, vợ ông D là bà H có biết.

Đối với tài liệu ông D giao nộp là bản pho to giấy chuyển tiền đề ngày 29/12/2015 có chữ ký của ông xác nhận việc ông D đã trả tiền, mọi giấy tờ trước ngày 29/12/2015 không có hiệu lực, ông không đồng ý, ông xác nhận ông D mới trả được số tiền 92.000.000 đồng.

Ông D còn nợ vợ chồng ông số tiền gốc là 108.000.000 đồng gốc và tiền lãi của số tiền này với lãi suất 01%/1 tháng, thời gian từ ngày 09/8/2013 (âm lịch) đến nay.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông D trả vợ chồng ông số tiền còn nợ là 108.000.000 đồng gốc và tiền lãi của số tiền này với lãi suất 01%/1 tháng, thời gian từ ngày 09/8/2013 (âm lịch) đến nay.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

Ông và ông Ngô Văn T có mối quan hệ quen biết. Ngày 08/6/2013 (âm lịch), ông có ký 01 giấy vay tiền xác nhận vay của ông Ngô Văn T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng. Khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất. Từ thời điểm vay tiền đến trước ngày 29/12/2015, nhiều lần ông trả tiền lãi và tiền gốc cho ông T, tổng cộng số tiền trả là 90.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2015, ông trả ông T số tiền 300.000.000 đồng, khi chuyển hai bên viết giấy chuyển tiền, có chữ ký xác nhận của ông Ngô Văn T. Tại giấy chuyển tiền hai bên thỏa thuận mọi giấy tờ cũ trước ngày 29/12/2015 không có hiệu lực.

Ông xác định đã trả ông T toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi của khoản vay ngày 08/6/2013 ân lịch, nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Bà Lê Thuý P là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T trình bày: Giấy thỏa thuận hai bên không ghi lãi suất, nhưng thỏa thuận miệng lãi suất 02%/1 tháng. Sau khi vay ông D trả được 02 tháng tiền lãi. Ngày tháng năm nào ông không nhớ ông D trả ông được 03 lạng cao hổ + 03 lạng cao ngựa tính ra tiền tổng số 45.00.000 đồng. Ngày 01/5/2014 trả 2.000.000 đồng; ngày 29/5/2015 trả 02 lạng cao hổ= 40.000.000 đồng và 1½ lạng cao ngựa = 3.000.000 đồng; ngày 09/12/2015 trả 1.000.000 đồng; ngày 30/12/2016 trả 1.000.000 đồng, tổng cộng trả được 92.000.000 đồng. Số tiền lãi 02 tháng ông D trả không nằm trong số tiền 92.000.000 đồng.

Số tiền ông cho ông D vay là tài sản chung của vợ chồng.

Ngày 29/12/2015, ông D không chuyển khoản trả ông 02 lần tổng số tiền 300.000.000 đồng.

Nay ông thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông tự nguyện đề nghị Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông D trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này với lãi suất 10%/1 năm thời gian từ ngày 01/01/2017 đến nay. Ông không yêu cầu vợ ông D cùng có trách nhiệm trả.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2026/DS-ST ngày 13/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 271, 273, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 429, 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T. Buộc ông Nguyễn Văn D trả ông Ngô Văn T và bà Lê Thuý P số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 92.796.200 đồng, tổng cộng 192.796.200 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín hai triệu, bẩy trăm chín sáu nghìn hai trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 14/5/2026, ông Nguyễn Văn D kháng cáo bản án, nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm

theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao nộp bản gốc Giấy chuyển tiền ghi ngày 29/9/2015 (Âm lịch).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Ngô Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Văn D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày: Ông thừa nhận chữ ký trong bản gốc Giấy chuyển tiền ghi ngày 29/9/2015 (Âm lịch) và bản gốc Giấy chuyển tiền ghi ngày 29/12/2015 đúng là chữ ký của ông, nội dung ông D đã trả ông số tiền lần 1 là 200.000.000đ, lần 2 là 100.000.000đ. Tại giấy chuyển tiền ghi mọi giấy tờ cũ trước ngày 29/12/2015 không hiệu lực.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông khẳng định đến nay ông đã thanh toán trả xong vợ chồng ông Ngô Văn T, không còn vướng mắc gì theo đúng Giấy chuyển tiền ghi ngày 29/12/2015 như ông T đã xác nhận nên đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2026/DS-ST ngày 13/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T.

Về án phí phúc thẩm: Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn D. HĐXX thấy:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Ngô Văn T khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh giải quyết về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn cư trú tại thôn Nội Xuân, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh.

Do đó, Tòa án nhân dân dân khu vực 2 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự trong vụ án không có bên nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, Bản án sơ thẩm không áp dụng quy định về thời hiệu là đảm bảo theo khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn D phải trả số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đồng và trả tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng, thời gian từ ngày 01/01/2017 đến nay với lãi suất 10%/1 năm. HĐXX phúc thẩm thấy:

Tại Giấy vay tiền ghi ngày 08 tháng 6 năm 2013 (âm lịch) có nội dung:*"Em D ở Nội Xuân có vay của anh T ở Phố Hoa số tiền là 200.000.000đ. Hai trăm triệu đồng chẵn. Thời hạn là hai tháng"*. Giấy vay tiền được viết tay, có chữ ký của ông Nguyễn Văn D, không có công chứng hay chứng thực chữ ký. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn D có thừa nhận đã vay của ông T số tiền 200.000.000đ, lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của nguyên đơn ông Ngô Văn T. Do đó, có cơ sở để xác định ông Nguyễn Văn D đã vay ông Ngô Văn T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay hai tháng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Tại cấp sơ thẩm, bị đơn có lời khai, nội dung: Từ thời điểm vay tiền đến trước ngày 29/12/2025, bị đơn đã nhiều lần trả tiền lãi và tiền gốc cho ông T, tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Ngày 29/12/2025, bị đơn đã trả số tiền 300.000.000 đồng cho ông T, khi giao tiền hai bên có viết giấy chuyển tiền, có chữ ký xác nhận của ông T và thoả thuận mọi giấy tờ cũ trước ngày 29/12/2025 không còn hiệu lực. Tuy nhiên, bị đơn chỉ cung cấp được bản photo giấy chuyển tiền ngày 29/12/2025 nêu trên mà không cung cấp được bản gốc làm căn cứ chứng minh cho lời khai của mình.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn có giao nộp bản gốc Giấy chuyển tiền ghi ngày 29/9/2015 (Âm lịch) và bản gốc Giấy chuyển tiền ghi ngày 29/12/2015, nội dung ông D đã trả ông T số tiền lần 1 là: 200.000.000đ, lần 2 là: 100.000.000đ. Tại giấy chuyển tiền ghi mọi giấy tờ cũ trước ngày 29/12/2015 không hiệu lực. Ông T thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi rõ họ tên đúng là của ông.

[4]. Do vậy, có căn cứ để xác định bị đơn ông Nguyễn Văn D đã thanh toán xong cho vợ chồng ông Ngô Văn T số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đã vay nêu trên.

[5]. Trong quá trình xem xét nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 293 Bộ Luật tố tụng dân sự, do bị đơn ông Nguyễn Văn D cung cấp thêm cấp tài liệu, chứng cứ mới theo quy định tại Điều 287 Bộ Luật tố tụng dân sự và làm thay đổi nội dung vụ việc nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn D.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX phúc thẩm: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2026/DS-ST ngày 13/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện cho VKSND tỉnh Bắc Ninh đã đề nghị tại phiên tòa phúc thẩm. Việc sửa Bản án sơ thẩm là do có tình tiết, tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm nên cấp sơ thẩm không có lỗi trong việc bản án sơ thẩm bị sửa.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên HĐXX xác định lại án phí: Ông Nguyễn Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Ông Ngô Văn T thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn D được chấp nhận nên ông D không phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2026/DS-ST ngày 13/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

2. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T về việc: Buộc ông Nguyễn Văn D trả ông Ngô Văn T và bà Lê Thuý P số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng, thời gian từ ngày 01/01/2017 đến nay với lãi suất 10%/1 năm.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông D số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004362 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND, VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VPHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Nâu